

Số: 415/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả
thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp tại tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn,
thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La”
(trữ lượng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa
phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Địa chất khoáng sản số ngày 29/11/2024;

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP
ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên
quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên
và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật về thu thập, thành lập tài liệu nguyên thủy
trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản; Thông tư số
44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội
dung công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản; Thông tư số 45/2016/TT-
BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm
dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo hoạt động khoáng sản, mẫu
văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng
sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày
30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số
45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san
lấp; Thông tư số 02/2024/TT-BTNMT ngày 22/4/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi
trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày
13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kỹ thuật về công tác thăm dò
cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;*

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1891/GP-UBND ngày 11/9/2024 của UBND tỉnh Sơn La cấp cho Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Mộc Châu được thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp tại tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Xét Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 13/12/2024 của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Mộc Châu;

Căn cứ Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp tại tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tại phiên họp ngày 17/01/2025 và phiếu đánh giá của các Ủy viên hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 128/TTr-STNMT ngày 16/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đất san lấp tại Tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, với những nội dung sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 1,622 ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp đã tính trong báo cáo, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, cấp 122 là 227.510 m³.

3. Các khoáng sản đi kèm: Đá gốc (gồm đá vôi, đá silic, cát kết..., tài nguyên cấp 333): 125.484 m³.

4. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt và trữ lượng khoáng sản cấp 122 được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp tại tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La” được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất (tại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La và Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng Địa chất thuộc Cục Địa chất Việt Nam).

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND thị xã Mộc Châu; Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Mộc Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Địa chất Việt Nam;
- Như Điều 4;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La;
- Công ty CP sản xuất VLXD Mộc Châu;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, HS - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Phụ lục số 01

**TỌA ĐỘ KHU THẨM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
MỎ ĐẤT SAN LẬP TẠI TIỂU KHU 19/5, XÃ CHIỀNG SƠN,
THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND tỉnh Sơn La)

Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104 ⁰⁰ ', múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (ha)
	X(m)	Y(m)	
1'	2.299.602,78	560.573,73	1,622
2	2.299.568,77	560.542,62	
3'	2.299.512,35	560.517,00	
4'	2.299.428,37	560.449,21	
5'	2.299.413,23	560.427,06	
6	2.299.373,65	560.401,05	
7	2.299.314,37	560.421,46	
8	2.299.345,53	560.466,03	
9	2.299.409,31	560.495,22	
10	2.299.465,82	560.547,51	
11	2.299.531,30	560.564,17	
12	2.299.549,01	560.591,94	
13	2.299.606,09	560.622,41	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

Phụ lục số 02

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT SAN LẬP
TẠI TIỂU KHU 19/5, XÃ CHIỀNG SƠN, THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Quyết định số: 415/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	1-122	+ 713,5	116.472	Mức thấp nhất theo mặt cắt tính trữ lượng khoáng sản
2	2-122	+ 708	111.039	Như trên
Tổng 122			227.510	